

PHÂN TÍCH VÀ CẢM NHẬN BÀI THƠ “BÀI CA NGẮT NGƯỜNG” CỦA NGUYỄN CÔNG TRÚ

1. Dàn ý phân tích bài thơ "Bài ca ngất ngưỡng" của Nguyễn Công Trứ

a. Mở bài:

- Đôi nét về tác giả Nguyễn Công Trứ: một nhân vật lịch sử nổi tiếng in đậm dấu ấn không chỉ trong văn chương mà còn trong nhiều lĩnh vực khác, thơ văn ông phản ánh nhân sinh và thể sự sâu sắc.

- Bài ca ngất ngưỡng là một trong số những bài hát nói tiêu biểu thể hiện tài năng, chí khí và ý thức cá nhân của Nguyễn Công Trứ.

b. Thân bài:

- Cảm hứng chủ đạo: “Ngất ngưỡng”: thể cao chênh vênh, không vững, nghiêng ngã.

-> Tự thế, thái độ cách sống ngang tàng, vượt thế tục của con người. Phong cách sống nhất quán của Nguyễn Công Trứ. Tác giả có ý thức rất rõ về tài năng và bản lĩnh của mình, kể cả khi làm quan, ra vào nơi triều đình và khi đã nghỉ hưu.

- Sáu câu đầu:

+ “Vũ trụ nội mạc phi phận sự”: thái độ tự tin khẳng định mọi việc trong trời đất đều là phận sự của tác giả -> Tuyên ngôn về chí làm trai của nhà thơ.

+ “Ông Hi Văn... vào lòng”: Coi nhập thế là việc làm trói buộc nhưng đó cũng là điều kiện để bộc lộ tài năng.

+ Nêu những việc mình đã làm ở chốn quan trường và tài năng của mình:

Tài năng: Giỏi văn chương (khi thủ khoa), Tài dùng binh (thao lược) -> tài năng lỗi lạc xuất chúng: văn võ song toàn.

Khoe danh vị, xã hội hơn người: Tham tán, Tổng đốc, Đại tướng (bình định Trấn Tây), phủ Doãn Thừa Thiên.

=> Tự hào mình là một người tài năng lỗi lạc, danh vị vẻ vang văn võ song toàn. Sáu câu thơ đầu là lời từ thuật của nhà thơ lúc làm quan, khẳng định tài năng và lí tưởng phóng khoáng khác đời ngạo nghễ của một người có khả năng xuất chúng.

- 10 câu tiếp:

+ Cách sống theo ý chí và sở thích cá nhân:

Cưỡi bò đeo đạc ngựa.

Đi chùa có gót tiên theo sau.

-> Sở thích kì lạ, khác thường, thậm chí có phần bất cần và ngất ngưỡng

+ Bụt cũng nực cười: thể hiện hành động của tác giả là những hành động khác thường, ngược đời, đối nghịch với quan điểm của các nhà nho phong kiến.

=> Cá tính người nghệ sĩ mong muốn sống theo cách riêng.

+ Quan niệm sống:

“Được mất... ngọn đông phong”: Tự tin đặt mình sánh với “thái thượng”, tức sống ung dung tự tại, không quan tâm đến chuyện khen chê được mất của thế gian.

“Khi ca... khi tùng”: tạo cảm giác cuộc sống phong phú, thú vị, từ “khi” lặp đi lặp lại tạo cảm giác vui vẻ tràn miên.

“Không... tục”: không phải là Phật, không phải là tiên, không vương tục, sống thoát tục -> sống không giống ai, sống ngất ngưỡng.

=> Quan niệm sống kì lạ khác thường mang đậm dấu ấn riêng của tác giả.

- Ba câu cuối:

+ “Chẳng trái Nhạc... Nghĩa vua tôi cho trọn đạo sơ chung”: Sử dụng điển cố, ví mình sánh ngang với những người nổi tiếng có sự nghiệp hiển hách như Trái Tuân, Hàn Kì, Phú Bật...

=> Khẳng định bản lĩnh, khẳng định tài năng sánh ngang bậc danh tướng. Tự khẳng định mình là bề tôi trung thành.

+ “Trong triều ai ngất ngưỡng như ông”: vừa hỏi vừa khẳng định vị trí đầu triều về cách sống “ngất ngưỡng”.

=> Tuyên ngôn khẳng định cá tính, sự mong muốn vượt ngoài quan điểm đạo đức Nho gia thông thường. Đối với ông, ngất ngưỡng phải có thực danh và thực tài.

- Đặc sắc nghệ thuật:

+ Vận dụng thành công thể hát.

+ Giọng điệu thơ hóm hỉnh, trào phúng.

+ Sử dụng điển tích, điển cố.

c. Kết bài:

- Khẳng định những nét tiêu biểu nhất về nội dung và nghệ thuật của Bài ca ngất ngưỡng.

- Liên hệ trình bày suy nghĩ bản thân.

2. Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận về bài thơ "Bài ca ngất ngưỡng" của Nguyễn Công Trứ

Nguyễn Công Trứ nổi tiếng với lối sống ngất ngưỡng, đây còn được xem là bản lĩnh cá nhân của nhà thơ. Nhìn chung, "Bài ca ngất ngưỡng" đã khẳng định lí tưởng sống hài hoà giữa cái vì đời và cái vì mình. Bao trùm cả bài thơ là âm điệu khẳng định. Ta không thấy bợn lên ở đây một chút ân hận hay động thái tự vấn nào. Nguyễn Công Trứ đã thể hiện được tài năng của bản thân khi thực hiện lí tưởng trung quân ái quốc, hành đạo cứu đời. Ông đã giữ được bản tính hào mại, phóng túng cả khi vào lòng phận sự và dấn thân trong chốn quan trường. Ông, khác với nhiều người, đã dứt bỏ chức vị với bao nhiêu cám dỗ một cách nhẹ nhàng, không vương bận. Ông đã nhập vào các cuộc chơi một cách thoải mái, với tư cách của một kẻ đam mê, dám hết mình. Ông có thể nói mà không thấy ngượng, với mình và với đời: “Trong triều ai ngất ngưỡng như ông”. Đặt trong chế độ phong kiến, Bài ca ngất ngưỡng có ý nghĩa về nhiều phương diện. Nó ít nhiều báo hiệu sự thức tỉnh của ý thức cá nhân, cá thể trong hoàn cảnh cái tôi không được thừa nhận. Nó ghi nhận một bước tiến đáng kể trong lịch sử dân tộc theo hướng dân chủ hóa. Ngày nay, lối sống và cách sống ngất ngưỡng của Nguyễn Công Trứ có thể cần được tiếp thu một cách cân nhắc. Tuy nhiên, bài thơ Bài ca ngất ngưỡng vẫn còn có ý nghĩa, trước hết trong việc khích lệ người đọc hãy sống mạnh mẽ, hãy sống có ích để cuộc đời mình ngày một có ý nghĩa, không chấp nhận một cuộc sống tẻ nhạt, vô nghĩa.

3. Phân tích bài thơ "Bài ca ngất ngưỡng" của Nguyễn Công Trứ

Nếu như thể “ngâm khúc thể hiện một con người cô đơn, đau xót đi tìm những giá trị của mình bị mất mát” thì hát nói “một thể thông dụng trong ca trù thể hiện một con người tài tử thoát vòng cương tỏa, thoát sáo, thoát tục lụy, danh lợi, nắm lấy phút vui hiện tại”. Nhắc đến thể hát nói không thể không nhắc đến tác phẩm “Bài ca ngất ngưỡng” của Nguyễn Công Trứ bài thơ đem đến cho hát nói một nội dung phù hợp với chức năng và thể loại của nó. Bài thơ thể hiện cái tôi ngông của tác giả, một phong cách sống khác đời vượt ra ngoài lễ giáo phong kiến trên cơ sở ý thức về tài năng và giá trị của bản thân.

Nguyễn Công Trứ là một nhà Nho nghèo đã từng thi đỗ Giải nguyên và được bổ làm quan xong con đường công danh ấy không được bằng phẳng, thăng trầm. Sáng tác của ông hầu hết là bằng chữ Nôm, thể loại ưa thích nhất của ông là hát nói bởi ông đã có điều kiện tham gia ca trù vốn khá phát triển ở làng Cổ Đạm gần làng ông. Đề tài và nội dung trong các bài thơ hát nói của ông rất đa dạng như: tình yêu, đồng tiền, chí làm trai, sự ăn chơi hưởng lạc...

Sáu câu thơ đầu thể hiện lối sống ngất ngưỡng khi ông đang làm quan. Trước hết ở ý thức trách nhiệm của ông trước cuộc đời và lòng kiêu hãnh tự tin về bản thân: Vũ trụ nội mạc phi phận sự. Ông khẳng định mọi việc trong trời đất này đều thuộc trách nhiệm của ông. Lời nói đó cho thấy Nguyễn Công Trứ dám khẳng định ý nghĩa, vai trò của bản thân đối với đất nước. Thể hiện ở quan niệm về việc làm quan rất khác người – vừa là danh lại vừa là nợ:

"Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng"

Là danh bởi đây chính là cơ hội để ông chứng tỏ bản thân, chứng tỏ tài năng hơn người, khác người của mình, dùng tài năng đó để cống hiến, phục vụ cho đất nước. Nhưng lại là nợ bởi làm quan sẽ bị ràng buộc bởi trách nhiệm, ông buộc phải chấp nhận cuộc sống gò bó, mất tự do khi ở chốn quan trường. Vốn là người mang trong mình bản tính tự do, tự tại khi bị ép vào khuôn phép cũng là một điều khó khăn đối với Nguyễn Công Trứ. Tuy nhiên vì ý thức trách nhiệm và niềm kiêu hãnh tự tin nên Nguyễn Công Trứ đã gạt đi thú vui thích của bản thân, theo đuổi con đường khoa cử, đỗ đạt ra làm quan để thực hiện hoài bão giúp nước, giúp đời. Hoài bão to lớn, cao đẹp ấy là hoài bão của biết bao người quân tử trong xã hội lúc bấy giờ.

"Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng"

Khi thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông

Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưỡng.

Lúc bình Tây, cờ đại tướng,

Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên"

Là một người có kinh nghiệm làm quan trên 30 năm, tác giả kể ra những chức vụ mà mình đã từng đảm nhiệm trong suốt những năm tháng phụng sự cho đất nước ấy. Đó là: "Thủ khoa, Tham tán, Tổng đốc Đông...". Hẳn phải là một người tài giỏi, trí tuệ hơn người, thông minh, điều sự đều nhanh trí thì Nguyễn Công Trứ mới được giao cho nhiều trọng trách như vậy. Vì lẽ đó mà không một công việc gì mà tác giả chưa từng nếm trải qua, nên ông đã khẳng định với những đấng nam nhi còn lại trên cuộc đời này một lí lẽ chắc nịch như vậy. Những chứng cứ nhà thơ nêu ra rất xác đáng, là ví dụ không thể chối cãi cho lập luận ban đầu của ông.

Trong nửa đầu khổ thứ hai, ông tiếp tục điểm qua những mốc đáng nhớ trên hoạn lộ của mình:

"Lúc bình Tây cờ đại tướng,

Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên..."

Thủ khoa, Tham tán, Tổng đốc, đại tướng, Phủ doãn, cái gì ông làm được cũng thuộc loại “nhất bảng”! Điệp từ "khi" (cùng với nó là từ "lúc") đã tạo được nhịp điệu dồn dập cho các câu thơ, biến cả đoạn thơ thành cuốn phim quay nhanh, điểmlại công nghiệp phong phú của con người đã sống một cuộc đời thật đáng sống. Bên cạnh đó, nó cũng thể hiện thái độ hào hứng của tác giả khi “tính sổ” cuộc đời, thấy mình có thể “vỗ tay reo” khi nợ tang bồng đã được thanh toán sòng phẳng. Hoàn toàn có thể hiểu được tại sao khi rời bỏ kinh thành về quê, ông lại ngông đến thế:

*"Đô môn giải tổ chi niên,
Đạc ngựa bò vàng đeo ngát ngưỡng"*

Chắc hẳn khi kể lại những việc đã xảy ra trong cái ngày đáng nhớ ấy, Nguyễn Công Trứ vẫn còn lấy làm thú vị hết sức. Ông quả là người biết thưởng thức chính những việc làm trái khoáy nhiều phần khinh bạc của mình. Khinh bạc ở đây là khinh bạc với đời, với những kẻ không đủ gan dút bỏ chốn quan trường. Dù sao đối với ông, tất cả cũng chỉ là một cuộc chơi. Ông quý trọng những gì mình đã làm được, nhưng quý trọng không có nghĩa là chỉ biết khư khư ôm lấy chúng. Cái ông có đâu chỉ chừng ấy, dù đối với bao người, “chừng ấy” cũng đã vô cùng đáng kể rồi. Với từ "ngát ngưỡng" ở câu cuối khổ hai, ta hình dung thật rõ dáng ngồi ngát nghể, khật khưỡng của tác giả trên lưng con bò cái vàng được “trang sức” bằng đạc ngựa - một dáng ngồi đầy vẻ trêu người, khiêu khích, như muốn giỡn mặt với “cả và” thiên hạ, trước hết là với hàng ngũ đông đúc những quan to, quan bé trong triều.

Thể thơ hát nói là “thể thơ của con người cá nhân và tự do”. Số tiếng không cố định trong câu thơ và số câu không hạn định chặt chẽ trong bài thơ (nhất là với bài thơ hát nói đôi khổ) đã cho phép tác giả phô diễn một cách khoái hoạt nguồn cảm hứng dồi dào của mình. Không chỉ thế, sự chuyển đổi vần bằng, vần trắc luân phiên trong các câu, các khổ; sự biến hoá đa dạng trong nhịp ngắt; sự cho phép pha trộn ngôn từ nửa Nôm nửa Hán; sự xuất hiện của nhiều từ láy, nhiều điệp từ, đã đưa lại ấn tượng người làm thơ không gặp phải bất cứ một sự gò bó nào, muốn kể, muốn tả, muốn nghiêm túc, muốn giỡn đùa đều được. Điều quan trọng là anh có tận dụng được tính phóng khoáng và dân chủ đó của thể loại để diễn tả tâm tình, suy nghĩ của mình hay không. Có thể nói, với thể thơ hát nói, Nguyễn Công Trứ đã hoàn toàn được là mình. Thể thơ hát nói đã cho văn học Việt Nam một Nguyễn Công Trứ như ta đã biết và ngược lại chính Nguyễn Công Trứ đem lại được cho thể thơ hát nói một vị trí vinh dự trong bảng thể loại văn học của dân tộc.